

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 11 - 2018

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình
Ông Hà Văn Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 415/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1995; cư trú tại: Số nhà 12, đường Suối Rét B, khu phố 1, ấp Bảo Định, xã X, huyện L, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1989; cư trú tại: Số nhà 11, hẻm 16, thôn 2B, xã DH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh Nh tự nguyện tìm hiểu khoảng 6 tháng thì đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2015. Sau khi kết hôn thì anh chị về nhà cha

mẹ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau về tài chính kinh tế trong gia đình, anh Nh có đánh chị hai lần. Khi xảy ra mâu thuẫn thì được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh Nh không thay đổi sửa chữa. Hiện nay chị và anh Nh đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay.

Sau khi ly thân thì chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nay, chị N xác định không còn tình cảm với anh Nh nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có một con tên Nguyễn Đỗ Minh Nt, sinh ngày 23/5/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Nguyễn Thanh Nh phải cấp dưỡng nuôi con Nhật, mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị đang làm ở công ty DONA (L), lương trung bình 7.000.000 đồng/tháng. Còn anh Nh cùng làm ở công ty DONA, lương trung bình 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Theo bản khai ngày 25/10/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh Nh trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nh và chị Đỗ Thị Hồng N tự nguyện tìm hiểu khoảng 6 tháng thì đi đến kết hôn vào ngày 01/01/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 22/12/2015. Sau khi kết hôn thì anh chị về nhà cha mẹ của anh Nh chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Sau khi có con thì giữa anh Nh và chị N phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau về tài chính kinh tế trong gia đình. Nay, chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh Nh đồng ý.

Về con chung: Có một con tên Nguyễn Đỗ Minh Nt, sinh ngày 23/5/2016. Sau khi ly hôn anh Nh đồng ý giao con Nhật cho chị N nuôi dưỡng và anh Nh đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con Nhật cho chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/10/2018, đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1/ Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Thanh Nh.

2/ Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Hồng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con: Nguyễn Đỗ Minh Nt, sinh ngày 23/5/2016. Anh Nguyễn Thanh Nh phải cấp dưỡng nuôi con Nhật, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con Nhật tròn đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thanh Nh có quyền thăm nom con.

Kể từ ngày chị Đỗ Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh Nguyễn Thanh Nh phải chịu lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành án.

3/ Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng N đồng ý chịu toàn bộ án phí ly hôn, không yêu cầu anh Nh cùng chịu. Anh Nguyễn Thanh Nh phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Sau đó, vào ngày 31/10/2018 anh Nguyễn Thanh Nh có đơn xin thay đổi về sự thỏa thuận ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Đ đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định được quan hệ cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh Nh tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã DH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị N, anh Nh chung sống với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, từ đó không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Bản thân của anh chị đã tự động viên an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Do nhận thấy không còn tình cảm nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/10/2018, đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự; sau đó, vào ngày 31/10/2018

anh Nh có đơn xin thay đổi về sự thỏa thuận ly hôn, theo anh Nh cho rằng vì thương con và muốn giữ hạnh phúc gia đình nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị N vẫn cương quyết ly hôn, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử thấy: Tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Nh đã kéo dài. Ngoài ra, anh Nh cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân không còn chung sống với nhau, nay chị N không còn tình cảm với anh Nh; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn.

Từ đó, cần xử cho chị N được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị N và anh Nh có một con Nguyễn Đỗ Minh Nt, sinh ngày 23/5/2016. Nay, cả chị N và anh Nh đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy cháu Nhật hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần giao con Nhật cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Thấy rằng yêu cầu cấp dưỡng của chị N là có căn cứ bởi lẽ chị N là người trực tiếp nuôi con, nên anh Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, cần buộc anh Nh phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng như yêu cầu của chị N là phù hợp, thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con Nhật tròn đủ 18 tuổi.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự trình bày không có và không tranh chấp nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Cần buộc chị Đỗ Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, buộc anh Nguyễn Thanh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Hồng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Nguyễn Đỗ Minh Nt, sinh ngày 23/5/2016.

Anh Nguyễn Thanh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh Nh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đỗ Thị Hồng N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nh.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thanh Nh phải cấp dưỡng nuôi con Nhật cho chị Đỗ Thị Hồng N, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi con Nhật tròn đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đỗ Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh Nguyễn Thanh Nh phải chịu lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành án.

4. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018833, ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Đỗ Thị Hồng N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Thanh Nh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/11/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã DH;
- C.C Thi hành án DS huyện Đ;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quý